**2. Lệnh truy vấn cơ bản**

***1. Chọn toàn bộ thông tin trong bảng SALGRADE***

select \* from salgrade;

***2. Chọn toàn bộ thông tin trong bảng EMP***

select \* from emp;

***3. Hiển thị mọi loại nghề nghiệp***

*select distinct job from emp;*

***4. Hiển thị tên nhân viên và thu nhập trong một năm (REMUNERATION)***

select ename, sal\*12 + NVL(comm,0) from customers;

***5. Hiển thị theo nội dung dưới đây***

select  ename || ‘HAS HELP THE POSITION OF’ || job || ‘IN DEPT’ || deptno || ‘SINCE’ || hiredate *from emp;*

***6. Hiển thị cấu trúc bảng emp;***

Describe *emp;*

***7.Thay đổi nhãn và định dạng hiển thị của cột sal và hiredate trong bảng emp;***

Select empno, ename, job, mgr, hiredate,to\_char(sal, ‘$9999,999.00’)salary, comm compensation from emp;

**3. Truy vấn dữ liệu có điều kiện**

***1. Chọn nhân viên trong bảng EMP có mức lương từ 1000 đến 2000 (chọn các trường ENAME, DEPTNO, SAL).***

Select ename, deptno, sal from emp where sal between 1000 and 2000;

***2.Hiển thị mã phòng ban, tên phòng ban, sắp xếp theo thứ tự tên phòng ban***

Select deptno, dname from dept order by dname;

***3.Hiển thị danh sách những nhân viên làm tại phòng 10 và 20 theo thứ tự A,B,C***

Select empno, ename, job, mgr, hiredate, sal, comm, deptno from emp where deptno in (10,20) order by ename

***4. Hiển thị tên và nghề nghiệp những nhân viên làm nghề thư ký (cleck) tại phòng 20***

Select ename, job from emp where job= ‘CLERK’ and deptno = 20

***5. Hiển thị tất cả những nhân viên mà tên có các ký tự TH và LL***

Select ename from ename like ‘%TH%’ or ename like ‘%LL%’

***6. Hiển thị tên nhân viên, nghề nghiệp, lương của những nhân viên có giám đốc quản lý***

Select ename, job, sal from emp where job != ‘PRESIDENT’;

***7. Hiển thị tên nhân viên, mã phòng ban, ngày gia nhập công ty sao cho gia nhập công ty trong năm 1983.***

Select ename, deptno, hiredate from emp where extract(year from hiredate) = 1983

***8. Hiển thị tên nhân viên, lương một năm (ANUAL\_SAL ), thưởng sao cho lương lớn hơn thưởng và nghề nghiệp là SALEMAN, sắp theo thứ tự lương giảm dần và tên tăng dần.***

Select ename, sal\*12 Annual\_sal, comm from emp where sal>comm and job = ‘SALESMAN’ order by Annual\_sal desc, ename asc;

**4. Các hàm áp dụng cho 1 dòng dữ liệu**

***1. Liệt kê tên nhân viên, mã phòng ban và lương nhân viên được tăng 15% (PCTSAL).***

Select ename, deptno, sal\*1.15 from emp;

***2. Viết câu lệnh hiển thị như sau:***

Select ename || ‘\*\*\*\*\*\*\*’ || job ename\_job from tblemp;

***3. Viết câu lệnh hiển thị như sau:***

Select ename || ‘(’ || job || ‘)’ from emp;

***4. Viết câu lệnh hiển thị như sau:***

Select ename, deptno, job from emp where deptno = 30;

***5. Tìm ngày thứ 6 đầu tiên cách 2 tháng so với ngày hiện tại hiển thị ngày dưới dạng 09 February 1990.***

Select next\_day(add\_months(SYSDATE,2), ‘FRIDAY’) “FRIST FRIDAY” from dual;

***6.Tìm thông tin về tên nhân viên, ngày gia nhập công ty của nhân viên phòng số 20, sao cho hiển thị như sau:***

Select ename, to\_char(hiredate, ‘month,ddspth yyyy’) from emp where deptno = 20;

***7. Hiển thị tên nhân viên, ngày gia nhập công ty, ngày xét nâng lương (sau ngày gia nhập công ty 1 năm), sắp xếp theo thứ tự ngày xét nâng lương.***

Select ename, hiredate, add\_months(hiredate,12) “Ngay xet nang luong” from emp order by “Ngay xet nang luong”;

***8.Hiển thị tên nhân viên và lương dưới dạng***

Select ename, (case when sal <= 1500 then ‘BELOW 1500’ when sal>1500 then to\_char(sal) end) salary from emp order by ename;

***9. Cho biết thứ của ngày hiện tại***

Select to\_char(sysdate, ‘DAY, DD-MM-YYYY’) date\_system from dual;

***10. Đưa chuỗi dưới dạng nn/nn, kiểm tra nếu đúng khuôn dạng trả lời là YES, ngược lại là no. Kiểm tra với các chuỗi 12/34, 01/1a, 99\88***

Select decode(‘&values’, ‘12/34’, ‘yes’, ‘01/1a’, ‘no’, ‘99\98’, ‘no’, ‘undefine’) from dual;

***11. Hiển thị tên nhân viên, ngày gia nhập công ty, ngày lĩnh lương sao cho ngày lĩnh lương phải vào thứ 6, nhân viên chỉ được nhận lương sau ít nhất 15 ngày làm việc tại công ty, sắp xếp theo thứ tự ngày gia nhập công ty.***

Select ename, hiredate, next\_day(hiredate + 15, ‘Friday’) as salarydate from emp where ((sysdate-hiredate)>15);

**5. Các hàm nhóm áp dụng cho lớn hơn hoặc bằng 1 dòng dữ liệu**

***1. Tìm lương thấp nhất, lớn nhất và lương trung bình của tất cả các nhân viên***

Select min(sal) as minsalary, max(sal) as maxsalary, round(avg(sal),2) as average from emp;

***2. Tìm lương nhỏ nhất và lớn của mỗi loại nghề nghiệp***

Select job, max(sal), min(sal) from emp group by job;

***3. Tìm xem có bao nhiêu giám đốc trong danh sách nhân viên.***

Select count(\*) as manager from emp where job= ‘MANAGER’;

***4. Tìm tất cả các phòng ban mà số nhân viên trong phòng >3***

Select deptno, count(\*) as sumempolyee from emp group by deptno having count(\*)>3;

***5. Tìm ra mức lương nhỏ nhất của mỗi nhân viên làm việc cho một giám đốc nào đó sắp xếp theo thứ tự tăng dần của mức lương***

Select job, min(sal) from emp where job!= ‘MANAGER’ group by job;